



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2016	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đến cuối Quý 4 năm 2016	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016	05 – 29

PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.620.552.685.641	2.810.625.320.769
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	393.261.788.018	425.567.717.430
111	1. Tiền		388.261.788.018	418.667.717.430
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	6.900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	11.500.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.500.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		603.777.783.130	481.284.642.434
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	483.788.318.130	431.125.695.754
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	99.715.234.078	35.947.330.676
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	25.419.440.428	19.818.875.929
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.233.392.059)	(5.607.259.925)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		88.182.553	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.564.829.362.911	1.760.076.255.954
141	1. Hàng tồn kho		1.564.829.362.911	1.760.076.255.954
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.183.751.582	133.696.704.951
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.242.887.328	143.138.196
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		45.288.705.198	133.234.056.760
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		652.159.056	319.509.995
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		841.072.597.390	758.916.598.635
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.038.315.546	5.032.315.546
210	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		6.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		5.032.315.546	5.032.315.546
220	II. Tài sản cố định		742.124.620.926	652.335.335.604
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	424.936.089.996	351.772.981.566
222	- Nguyên giá		652.933.105.508	521.218.591.997
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(227.997.015.512)	(169.445.610.431)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	60.738.855.412	66.904.116.714
225	- Nguyên giá		77.983.819.989	76.381.530.221
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.244.964.577)	(9.477.413.507)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	256.449.675.518	233.658.237.324
228	- Nguyên giá		264.147.543.342	239.979.533.153
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.697.867.824)	(6.321.295.829)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		81.546.572.377	86.415.660.093
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		81.546.572.377	86.415.660.093
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	8.096.805.300	8.096.805.300
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.565.113.571)	(3.565.113.571)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.266.283.241	7.036.482.092
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.325.212.965	5.268.261.344
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	591.882.902
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	4. Lợi thế thương mại	V.10	941.070.276	1.176.337.846
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.461.625.283.031	3.569.541.919.404

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.334.708.873.527	2.462.138.197.120
310	I. Nợ ngắn hạn		2.147.230.020.870	2.347.808.033.982
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	344.086.536.120	286.517.039.117
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	54.512.702.170	46.378.944.336
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	140.293.816.411	134.343.915.962
314	4. Phải trả người lao động	V.14	21.339.361.796	23.947.066.028
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	82.685.085.708	61.506.965.712
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	25.903.119.319	87.649.748.453
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17.a	1.465.531.526.416	1.698.058.771.492
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.899.727.051	9.405.582.882
330	II. Nợ dài hạn		187.478.852.657	114.330.163.138
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.17.b	187.478.852.657	114.330.163.138
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.126.916.409.504	1.107.403.722.284
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	1.126.916.409.504	1.107.403.722.284
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	476.400.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	476.400.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		464.878.130	7.211.680.048
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		93.125.436.992	119.095.387.120
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.525.307.541	27.342.989.573
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		223.959.372.640	279.179.962.957
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		61.421.234.595	51.215.446.517
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		162.538.138.045	227.964.516.440
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		227.161.484.202	198.173.702.587
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.461.625.283.031	3.569.541.919.404

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2016

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.489.217.448.073	1.442.608.052.765	6.062.922.378.368	6.153.941.833.911
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	39.009.206.110	24.632.615.831	118.625.482.864	62.296.435.183
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.450.208.241.963	1.417.975.436.934	5.944.296.895.504	6.091.645.398.728
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.208.367.398.288	1.219.349.878.425	5.035.999.568.967	5.329.892.024.420
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		241.840.843.675	198.625.558.509	908.297.326.537	761.753.374.308
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	4.033.656.298	1.124.902.027	6.891.431.885	2.353.693.026
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	41.992.960.307	31.385.214.355	125.136.226.103	103.010.328.314
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		28.435.264.422	27.181.413.030	86.465.468.969	92.745.282.208
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết				-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	54.397.881.664	51.885.372.879	254.229.573.373	231.244.993.130
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	35.453.091.664	27.685.847.029	115.589.576.027	92.550.941.173
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		114.030.566.338	88.794.026.273	420.233.382.919	337.300.804.717
31	12. Thu nhập khác	VI.8	653.624.039	3.034.031.881	5.033.062.460	16.822.906.736
32	13. Chi phí khác	VI.9	1.721.269.621	(1.921.560.748)	4.947.239.946	2.247.109.593
40	14. Lợi nhuận khác		(1.067.645.582)	4.955.592.629	85.822.514	14.575.797.143
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		112.962.920.756	93.749.618.902	420.319.205.433	351.876.601.860
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		18.326.032.635	14.021.485.769	70.351.647.886	70.970.871.299
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		94.636.888.121	79.728.133.133	349.967.557.547	280.905.730.561
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		80.865.033.404	61.437.745.429	276.874.124.045	229.448.561.334
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		13.771.854.717	18.290.387.704	73.093.433.502	51.457.169.227
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	1.487	1.160	5.090	4.335

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SON


 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2016
Tổng Giám Đốc
LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		420.319.205.433	351.025.621.488
	2. Điều chỉnh cho các khoản		156.060.905.010	132.130.019.220
02	- Khấu hao tài sản cố định		69.011.886.236	43.374.205.871
03	- Các khoản dự phòng		(2.352.013.745)	(163.334.637)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		970.519.846	1.199.387.721
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(417.044.296)	(1.912.535.329)
06	- Chi phí lãi vay		88.847.556.969	89.632.295.594
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		576.380.110.443	483.155.640.708
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		199.282.161.137	34.187.483.819
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		193.016.105.878	(305.870.591.240)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(211.350.906.205)	210.671.123.124
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.078.566.817	(1.631.351.796)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(88.121.077.877)	(88.665.650.880)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(64.694.192.331)	(80.117.987.232)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		80.000.000	1.888.641.550
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(44.584.895.336)	(35.992.927.758)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		561.085.872.526	217.624.380.295
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(140.824.675.507)	(297.387.679.002)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		186.439.500	1.646.654.765
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.000.000.000)	(10.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.500.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		230.604.796	1.034.446.798
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(141.907.631.211)	(304.706.577.440)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.063.995.264.907	4.266.133.615.035
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(4.216.813.163.104)	(4.018.516.132.032)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(6.560.657.360)	(12.595.001.375)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(292.086.967.880)	(133.335.447.420)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(451.465.523.437)	101.687.034.208
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(32.287.282.122)	14.604.837.063
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		425.567.717.430	411.281.268.344
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.647.290)	(318.387.977)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	393.261.788.018	425.567.717.430

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2016



Tổng Giám Đốc

LÊ QUỐC PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2016 tăng 25% so với lợi nhuận sau thuế năm 2015 nguyên nhân chủ yếu là do giá nguyên vật liệu đầu vào giảm so với năm trước và lợi nhuận mang về từ Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình.

6. Cấu trúc Công ty**Các Công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%
2.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
5.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.135 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.153 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ..

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.
- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

<u>Loại tài sản vô hình</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm	07 – 10

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ trong 10 năm.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan

đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	33.689.256.272	4.623.183.228
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	354.572.531.746	414.044.534.202
Các khoản tương đương tiền(*)	5.000.000.000	6.900.000.000
Cộng	<u>393.261.788.018</u>	<u>425.567.717.430</u>

(*) là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2.a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	11.500.000.000	11.500.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>11.500.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

2.b Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)
Cộng	<u>11.661.918.871</u>	<u>8.096.805.300</u>	<u>(3.565.113.571)</u>	<u>11.661.918.871</u>	<u>8.096.805.300</u>	<u>(3.565.113.571)</u>

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 7,56% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.565.113.571)	(3.353.169.995)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(211.943.576)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>(3.565.113.571)</u>	<u>(3.565.113.571)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	483.788.318.130	431.125.695.754
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	75.881.900.393	71.131.496.858
Công ty TNHH TMDV Phan bốn Tuần Vũ	10.642.565.400	11.395.377.700
Công ty TNHH Thịnh Thành Đắc Lắc	13.373.107.778	9.961.230.000
Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	16.257.899.650	19.124.117.000
Các khách hàng khác	367.632.844.909	319.513.474.196
Cộng	483.788.318.130	431.125.695.754

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	99.715.234.078	35.947.330.676
Công ty TNHH Young Inh	75.015.463.822	-
Các đối tượng khác	24.699.770.256	35.947.330.676
Cộng	99.715.234.078	35.947.330.676

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	21.681.937.883	-	16.081.373.384	-
- Tạm ứng của nhân viên công ty	9.089.731.708	-	9.147.311.652	-
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương VN	2.119.321.468	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	10.472.884.707	-	6.934.061.732	-
Cộng	25.419.440.428	-	19.818.875.929	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.158.652.107.039	-	1.419.233.444.843	-
Công cụ, dụng cụ	6.815.323.020	-	5.230.796.508	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.803.050.588	-	20.934.090.284	-
Thành phẩm	366.642.066.924	-	311.356.662.915	-
Hàng hóa	3.916.815.340	-	3.321.261.404	-
Cộng	1.564.829.362.911	-	1.760.076.255.954	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1.

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	75.365.104.766	1.016.425.455	76.381.530.221
Thuê trong năm	1.602.289.768	-	1.602.289.768
Số cuối năm	76.967.394.534	1.016.425.455	77.983.819.989
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	9.307.545.140	169.868.367	9.477.413.507
Khấu hao trong năm	7.622.347.430	145.203.640	7.767.551.070
Số cuối năm	16.929.892.570	315.072.007	17.244.964.577
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	66.057.559.626	846.557.088	66.904.116.714
Số cuối năm	60.037.501.964	701.353.448	60.738.855.412

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	239.265.756.153	713.777.000	239.790.756.153
Mua trong năm	6.852.368.569	210.000.000	7.062.368.569
Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	17.105.641.620	-	17.105.641.620
Số cuối năm	263.223.766.342	923.777.000	264.147.543.342
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	115.000.000	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.924.959.142	396.336.687	6.321.295.829
Khấu hao trong năm	1.247.844.843	128.727.152	1.376.571.995
Số cuối năm	7.172.803.985	525.063.839	7.697.867.824
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	233.340.797.011	317.440.313	233.658.237.324
Số cuối năm	256.050.962.357	398.713.161	256.449.675.518

10. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại công ty phân bổ trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	344.086.536.120	286.517.039.117
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	42.869.526.618	-
- Công ty TNHH Đầu tư Tân Phát	41.721.702.200	-
- Công ty CP Vinacam	7.946.352.000	47.189.448.200
- Công ty CP DAP – VINACHEM	1.194.011.000	21.706.103.140
- Công ty Cổ Phần Nông sản Long Hải	21.015.517.500	83.933.425.719
- Các nhà cung cấp khác	229.339.426.802	133.688.062.058
Cộng	<u>344.086.536.120</u>	<u>286.517.039.117</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	54.512.702.170	46.378.944.336
- Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh	6.211.433.249	4.279.764.400
- Nguyễn Văn Hào	4.609.005.459	2.969.963.143
- Bùi Gia Thăng	2.955.935.450	908.414.000
- Các khách hàng khác	40.736.328.012	38.220.802.793
Cộng	<u>54.512.702.170</u>	<u>46.378.944.336</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	439.212.273	543.830.855
Thuế GTGT xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.204.689.214	17.508.376.598
Thuế thu nhập cá nhân	1.669.735.137	1.604.087.854
Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	114.687.620.655
Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	292.559.132	-
Cộng	<u>140.293.816.411</u>	<u>134.343.915.962</u>

14. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong kỳ.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí chiết khấu	29.655.705.000	28.958.551.270
- Trích trước chi phí khuyến mãi	29.780.257.000	6.947.796.250
- Trích trước hỗ trợ bán hàng	6.667.519.000	20.878.984.222
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	2.326.746.364	-
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	14.254.858.344	4.721.633.970
Cộng	<u>82.685.085.708</u>	<u>61.506.965.712</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	1.639.978.863	722.314.407
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.406.915.385	4.014.272.610
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.522.792.780	56.552.580
- Quỹ tiếp sức đến trường	944.360.420	636.770.847
- Quỹ người nghèo	1.203.626.292	1.654.348.183
- Giá trị tạm tính Nhà máy Ninh Bình	-	70.358.019.863
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13.185.445.579	10.207.469.963
Cộng	25.903.119.319	87.649.748.453

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.343.564.149.285	1.343.564.149.285	1.688.930.833.406	1.688.930.833.406
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾	6.171.804.777	6.171.804.777	48.411.658.767	48.411.658.767
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾	288.210.573.853	288.210.573.853	244.995.997.487	244.995.997.487
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM	-	-	2.746.586.900	2.746.586.900
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽³⁾	54.120.133.015	54.120.133.015	56.129.709.552	56.129.709.552
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽⁴⁾	-	-	72.480.599.715	72.480.599.715
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽⁵⁾	44.123.379.330	44.123.379.330	19.406.250.000	19.406.250.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁶⁾	105.147.277.815	105.147.277.815	78.337.020.382	78.337.020.382
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁷⁾	52.703.256.000	52.703.256.000	113.344.678.210	113.344.678.210
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽⁸⁾	320.524.433.186	320.524.433.186	448.501.750.400	448.501.750.400
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽⁹⁾	18.201.928.308	18.201.928.308	62.690.741.595	62.690.741.595
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽¹⁰⁾	72.617.572.394	72.617.572.394	64.529.460.034	64.529.460.034
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM ⁽¹¹⁾	47.555.197.660	47.555.197.660	44.595.574.400	44.595.574.400
- Vay nhân viên công ty ⁽¹²⁾	22.151.902.762	22.151.902.762	32.367.941.372	32.367.941.372
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn	75.207.176.388	75.207.176.388	59.411.568.446	59.411.568.446
- Ngân hàng TMCP Ngoại	60.621.194.845	60.621.194.845		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thương VN – CN Tp.HCM				
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị	55.541.247.736	55.541.247.736	67.299.753.242	67.299.753.242
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị	39.698.399.500	39.698.399.500	36.336.777.354	36.336.777.354
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng	32.513.185.341	32.513.185.341	81.075.312.850	81.075.312.850
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Lạt	31.869.235.219	31.869.235.219	55.509.222.900	55.509.222.900
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình	129.910.702.001	129.910.702.001	100.760.229.800	100.760.229.800
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.642.926.286	8.642.926.286	9.127.938.086	9.127.938.086
Cộng	1.465.531.526.416	1.465.531.526.416	1.698.058.771.492	1.698.058.771.492

(1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay số BIT.DN.420.180516 ngày 07 tháng 06 năm 2016, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh phân bón các loại, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng 16.2990135/2016-HĐTDHM/NHCT900-BFC ngày 15 tháng 09 năm 2016. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua Nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTTD ngày 05 tháng 04 năm 2012, và phụ lục Hợp đồng vay Số HCM/2012/014/TTTTD/PL03 ngày 09 tháng 05 năm 2016, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, vay tín chấp.

(5) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số 08814/PN-HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2014. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(6) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hàm Nghi theo Hợp đồng vay số HM.0151.15/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(7) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Nghé theo Hợp đồng vay số 43/2015/5762220/HĐTD ngày 13 tháng 07 năm 2015. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(8) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0225/KH/14NH ngày 31 tháng 12 năm 2015, Hạn mức 500.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

⁽⁹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng vay số 1604LAV201600653 ngày 25/08/2016, hạn mức 90.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 7%/năm. Vay tín chấp.

⁽¹⁰⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay Số BC_HĐTĐ/BFC/201311 ngày 01 tháng 11 năm 2013 kèm theo các phụ lục bổ sung theo từng lần nhận nợ. Hạn mức 10,000,000 USD, tương đương 208.280.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

⁽¹¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM theo hợp đồng vay Số BFL/12-33 ngày 09 tháng 08 năm 2012, kèm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số SBFL/15-241 ngày 16 tháng 11 năm 2015, hạn mức 10,000,000.00 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu mua hàng hóa, Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

⁽¹²⁾ Là khoản vay các nhân viên Công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động.

17.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	174.617.994.435	174.617.994.435	82.345.973.827	82.345.973.827
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	24.649.800.000	33.028.113.872	21.776.989.863	21.776.989.863
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Tp.HCM	9.491.627.583	9.491.627.583		
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽²⁾	132.098.252.980	132.098.252.980	60.568.983.964	60.568.983.964
Nợ thuê tài chính	21.239.172.094	31.984.189.311	31.984.189.311	31.984.189.311
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽³⁾	15.246.051.143	19.430.411.000	19.430.411.000	19.430.411.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽⁴⁾	3.459.375.806	7.308.526.914	7.308.526.914	7.308.526.914
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽⁵⁾	2.533.745.145	5.245.251.397	5.245.251.397	5.245.251.397
Cộng	187.478.852.657	187.478.852.657	114.330.163.138	114.330.163.138

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn, theo Hợp đồng vay số 150270045/2015- HĐTĐHM/NHCT923 ngày 10/06/2015. Hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, thời hạn 96 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp : Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và số BM189702 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/01/2015; Toàn bộ máy móc thiết bị đang được lắp đặt và sử dụng tại nhà máy phân bón thuốc BVTV Bình Điền - Mekong KCN Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong.

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HĐTĐ/NHCT400- BINH DIEN ngày 10/06/2015. Hạn mức cho vay 186.000.000.000 đồng, mục đích đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Ninh Bình, Thời hạn vay 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: • theo Hợp đồng thế chấp số 08/2015-HĐTĐBĐS/NHCT400 tháng 06 năm 2015 bao gồm các hạng mục hiện có và xây dựng thêm thuộc dự án xây dựng nhà máy NPK trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại KCN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản thế chấp là 231.612.000.000 đồng; Hợp đồng số 09/2015 – HĐTCĐS/NHCT400 tháng 06/2015 bao gồm toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị hiện có và hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy sản xuất NPK tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản thế chấp là 39.409.000.000 đồng.

⁽³⁾ Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 53/2014/TSC-CTTC ngày 25 tháng 08 năm 2014 giữa Công ty Cp Bình Điền – Ninh Bình và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn 24 tháng.

⁽⁴⁾ Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

⁽⁵⁾ Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HĐTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

Kỳ hạn thanh toán các nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	187.478.852.657	114.330.163.138
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>187.478.852.657</u>	<u>114.330.163.138</u>

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	371.592.000.000	65,00	309.660.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	200.087.930.000	35,00	166.740.000.000
Cộng	<u>100,00</u>	<u>571.679.930.000</u>	<u>100,00</u>	<u>476.400.000.000</u>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 571.679.930.000

Vốn điều lệ đã góp: 571.679.930.000

Vốn điều lệ còn phải góp: -

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	476.400.000.000	476.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	95.279.930.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	571.679.930.000	476.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(257.255.986.000)	(133.392.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.		

18e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

18f. Phân phối lợi nhuận

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	20.290.440.915
Trong đó:		
Số đã tạm trích trong năm tài chính 2015 là	:	1.000.000.000
Số còn phải trích năm tài chính 2016 là	:	19.290.440.915
• Trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành	:	500.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	30.435.661.372
• Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	:	10.145.220.457
• Phân chia cổ tức cho các cổ đông	:	257.255.986.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	6.058.511.879.074	6.093.766.023.739
- Doanh thu khác	4.410.499.294	6.414.453.060
Cộng	<u>6.062.922.378.368</u>	<u>6.100.180.476.799</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty không phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	110.922.657.277	58.137.115.805
- Hàng bán bị trả lại	4.063.758.169	3.590.505.278
- Giảm giá hàng bán	3.639.067.418	568.814.100
Cộng	118.625.482.864	62.296.435.183

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	5.035.999.568.967	5.278.378.130.222
- Giá vốn các hoạt động khác	-	-
Cộng	5.035.999.568.967	5.278.378.130.222

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay, khác	6.891.431.885	2.510.827.859
Cộng	6.891.431.885	2.510.827.859

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	86.465.468.969	89.632.295.594
- Chi phí tài chính khác	38.670.757.134	13.704.923.330
Cộng	125.136.226.103	103.337.218.924

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí bán hàng	254.229.573.373	230.404.484.831
Cộng	254.229.573.373	230.404.484.831

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	115.589.576.027	91.273.163.906
Cộng	115.589.576.027	91.273.163.906

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	5.033.062.460	15.501.929.408
Cộng	5.033.062.460	15.501.929.408

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác	4.947.239.946	1.478.179.512
Cộng	4.947.239.946	1.478.179.512

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	276.874.124.045	228.964.516.440
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(22.149.929.924)	(22.896.451.644)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(22.149.929.924)	(22.896.451.644)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	254.724.194.121	206.068.064.796
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	50.0410576	47.640.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.090	4.326

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt()*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thù lao và tiền thưởng	6.179.588.334	5.190.515.000
Cộng	6.179.588.334	5.190.515.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ Công ty có phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

<u>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức	167.216.390.900	86.704.800.000
Cộng	167.216.390.900	86.704.800.000

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.5.

2. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm nay	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.253.042.291.630	691.254.603.874	5.944.296.895.504
Giá vốn hàng bán	4.450.369.687.359	585.629.881.608	5.035.999.568.967
Lợi nhuận gộp	802.672.604.271	105.624.722.266	908.297.326.537

Năm trước	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.229.131.227.868	808.752.813.748	6.037.884.041.616
Giá vốn hàng bán	4.573.542.114.600	704.836.015.622	5.278.378.130.222
Lợi nhuận gộp	655.589.113.268	103.916.798.126	759.505.911.394

3. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định hữu hình khác (thuyết minh số V.17a, V.17b).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

4. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tập đoàn không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

6. Giải thích biến động lợi nhuận cùng kỳ

Chỉ tiêu	Quý 4			Lũy kế năm		
	Năm 2016	Năm 2015	Tỷ lệ	Năm 2016	Năm 2015	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế	94.636.888.121	79.728.133.133	19%	349.967.557.547	280.905.730.561	25%

Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong quý 4 và cả năm 2016 tăng so cùng kỳ năm 2015 lần lượt là 19% và 25%, nguyên nhân chủ yếu do đóng góp lợi nhuận từ Công ty con là Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình đã bắt đầu đi vào sản xuất từ tháng 11 năm 2015 vì vậy trong 10 tháng đầu 2016 Công ty con này đã đóng góp làm tăng lợi nhuận của Tập đoàn. Bên cạnh đó giá nguyên liệu đầu vào giảm trong năm 2016 cũng góp phần làm tăng lợi nhuận gộp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục số 1

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TĂNG SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

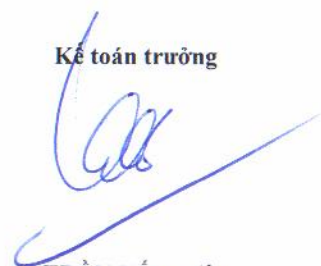
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	353.513.591.494	127.009.641.876	35.503.906.669	2.910.287.958	2.281.164.000	521.218.591.997
2. Tăng trong năm	83.786.450.669	51.074.510.026	5.269.741.245	766.273.900	5.869.793.011	146.766.768.851
- Tăng do mua mới	14.472.127.339	18.802.923.337	3.369.741.245	155.845.000	64.970.000	36.865.606.921
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	69.314.323.330	32.271.586.689	1.900.000.000	610.428.900	5.804.823.011	109.901.161.930
3. Giảm trong năm	13.478.156.805	1.574.098.535	-	-	-	15.052.255.340
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.474.837.940	-	-	-	1.474.837.940
- Điều chỉnh giảm	13.478.156.805	99.260.595	-	-	-	13.577.417.400
4. Số dư cuối năm	423.821.885.358	176.510.053.367	40.773.647.914	3.676.561.858	8.150.957.011	652.933.105.508
Trong đó:						
TSCĐ Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	565.091.818	19.146.003.801	4.278.272.726	1.268.447.358	-	25.257.815.703
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	71.058.934.954	75.047.645.145	21.617.439.689	1.612.326.085	109.264.558	169.445.610.431
2. Tăng trong năm	32.653.854.282	22.440.698.812	3.223.083.321	645.802.527	904.324.229	59.867.763.171
- Khấu hao trong kỳ	32.653.854.282	22.440.698.812	3.223.083.321	645.802.527	904.324.229	59.867.763.171
3. Giảm trong năm	-	1.316.358.090	-	-	-	1.316.358.090
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.316.358.090	-	-	-	1.316.358.090
4. Số dư cuối năm	103.712.789.236	96.171.985.867	24.840.523.010	2.258.128.612	1.013.588.787	227.997.015.512
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	282.454.656.540	51.961.996.731	13.886.466.980	1.297.961.873	2.171.899.442	351.772.981.566
2. Tại ngày cuối năm	320.109.096.122	80.338.067.500	15.933.124.904	1.418.433.246	7.137.368.224	424.936.089.996
Trong đó:						
Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp	12.789.264.669	2.995.571.367	-	-	179.910.877	15.964.746.913

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục số 2

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
1. Số dư đầu năm trước	476.400.000.000	7.211.680.048	75.500.448.264	17.263.178.515	265.332.471.745	163.199.646.452	1.004.907.425.024
2. Tăng trong năm trước	-	-	43.594.938.856	10.079.811.058	228.964.516.440	70.269.033.504	352.908.299.858
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	19.000.000.000	19.000.000.000
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	43.594.938.856	10.079.811.058	-	-	53.674.749.914
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	228.964.516.440	51.269.033.504	280.233.549.944
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	215.117.025.228	35.294.977.370	250.412.002.598
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	215.117.025.228	35.294.977.370	250.412.002.598
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm	476.400.000.000	7.211.680.048	119.095.387.120	27.342.989.573	279.179.962.957	198.173.702.586	1.107.403.722.284
5. Tăng trong năm nay	95.279.930.000	-	35.220.188.381	10.525.307.541	276.874.124.045	73.093.433.502	490.992.983.469
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	276.874.124.045	73.093.433.502	349.967.557.547
- Tăng từ góp vốn trong năm	95.279.930.000	-	-	-	-	-	95.279.930.000
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	35.220.188.381	10.525.307.541	-	-	45.745.495.922
6. Giảm trong năm nay	-	6.746.801.918	61.190.138.509	27.342.989.573	332.094.714.362	44.105.651.887	471.480.296.249
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	332.094.714.362	44.105.651.887	376.200.366.249
- Giảm khác	-	6.746.801.918	61.190.138.509	27.342.989.573	-	-	-
7. Số dư cuối năm nay	571.679.930.000	464.878.130	93.125.436.992	10.525.307.541	223.959.372.640	227.161.484.201	1.126.916.409.504

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

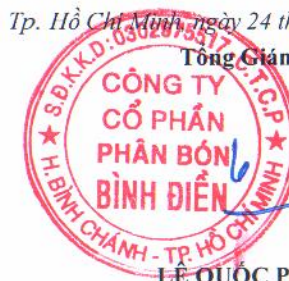
Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG